TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MAI SƠN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2024/HNGĐ-ST
Ngày 06 tháng 02 năm 2024
V/v xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tráng A Tếnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Văn Sơ

2. Ông Cầm Văn Tổ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2023 về việc xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1989. Địa chỉ: Tiểu khu A, thị trấn H, huyện Mai Sơn, Sơn La. Vắng mặt.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Kiều O, sinh năm 1990. Địa chỉ: Tiểu khu A, thị trấn H, huyện Mai Sơn, Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Minh Đ trình bày như sau:

Anh và chị Nguyễn Thị Kiều O kết hôn trên cơ sở tự nguyện do hai bên tự do tìm hiểu, không ai bị ép buộc. Anh chị đã đi đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn H, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La vào ngày 30/11/2015 và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên tranh cãi, bất đồng nhau dẫn đến rạn nứt về tình cảm, ngày càng trầm trọng nên không thể hàn gắn được. Đến cuối năm 2018, anh chị đã sống ly thân đến nay. Nay anh xác định cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị O.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Đ Minh K, sinh ngày 09/5/2016. Hiện tại, cháu K đang ở với chị O. Khi ly hôn, anh đã bàn bạc với chị O cho cháu tiếp tục ở với mẹ, còn anh cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị O mỗi tháng là 2.000.000VNĐ/tháng.

Về tài sản chung vợ chồng: Không có.

Về nợ chung vợ chồng: Không có.

Tại văn bản trình bày ý kiến của bị đơn gửi Tòa án, chị Nguyễn Thị Kiều O có ý kiến như sau:

Chị và anh Nguyễn Minh Đ kết hôn năm 2015, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn H vào ngày 30/11/2015, được pháp luật thừa nhận là vợ chồng hợp pháp, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc tại gia đình chồng. Sau đó phát sinh mâu thuẫn xuất phát từ bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nên tình cảm vợ chồng rạn nứt. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu cháu Nguyễn Đ Minh K, sinh ngày 09/5/2016. Trong thời gian ly thân, cháu K đều ở với chị. Chị nhất trí mức cấp dưỡng con chung cùng chị mỗi tháng là 2.000.000VNĐ theo ý kiến của anh Đ.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh theo quy định về tình trạng hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, về con chung và tài sản chung, nợ chung của anh Đ và chị O.

Tòa án đã tiến hành mở phiên hòa giải nhưng bị đơn không thể tham gia hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật Tố tụng Dân sự và được đưa ra xét xử.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn, bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa anh Nguyễn Minh Đ và chị Nguyễn Thị Kim O. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đ Minh K, sinh ngày 09/5/2016 cho chị Nguyễn Thị Kim O trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động). Ghi nhận thỏa thuận của anh chị về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Anh Nguyễn Minh Đ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ là 2.000.000VND. Thời gian cấp dưỡng tính từ thời điểm bản án có hiệu lực đến khi cháu K đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động). Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu phí xin ly hôn và án phí cấp dưỡng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Minh Đ có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với chị Nguyễn Thị Kim O, địa chỉ tại: Tiểu khu A, thị trấn H, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn thụ lý vụ án hôn nhân gia đình với quan hệ pháp luật tranh chấp xin ly hôn, tranh chấp về con chung khi ly hôn là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với các đương sự, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Minh Đ và chị Nguyễn Thị Kim O.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Minh Đ và chị Nguyễn Thị Kim O tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2015, anh chị đã được UBND thị trấn H, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 30/11/2015. Khi kết hôn hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Anh chị đều cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, dẫn đến rạn nứt tình cảm. Do không giải quyết được bất đồng, anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2018 đến nay. Trong thời gian ly thân, anh chị không còn quan tâm đến nhau. Nay anh chị xác định tình cảm vợ chồng không thể quay về chung sống, anh Đ và chị O đều đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Qua xác minh xác minh tại ban quản lý Tiểu khu A, thị trấn H, huyện Mai Sơn được biết: Chị O và anh Đ đăng ký hộ khẩu tại Tiểu

khu A, thị trấn nhưng hiện nay chị O đã chuyển nơi khác sinh sống, vợ chồng không sống cùng nhau một thời gian dài. Hội đồng xét xử xét thấy, chị O và anh Đ đều đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn, khẳng định mâu thuẫn vợ chồng của anh chị đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, cần căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Minh Đ, xử cho anh Đ được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim O.

[2.2] Về con chung: Chị O và anh Đ xác nhận có 01 con chung là Nguyễn Đ Minh K, sinh ngày 09/5/2016. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh chị đều thống nhất trường hợp ly hôn, chị O tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục, anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị O mỗi tháng là 2.000.000VND.

Hội đồng xét xử xét chị O và anh Đ đã thống nhất với nhau về trách nhiệm nuôi dưỡng con chung sau ly hôn. Tại biên bản xác minh tại Ban quản lý Tiểu khu A thể hiện, từ thời điểm ly thân đến nay, con chung ở cùng với mẹ. Do cháu K đang ở cùng với mẹ nên Tòa án không thể ghi được ý kiến của cháu. Tuy nhiên, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung, cần chấp nhận yêu cầu của chị O và anh Đ, giao cháu Nguyễn Đ Minh K, sinh ngày 09/5/2016 cho chị Nguyễn Thị Kim O trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành. Ghi nhận thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con chung của anh Đ và chị O, anh Đ có trách nhiệm có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ là 2.000.000VND. Thời gian cấp dưỡng tính từ thời điểm bản án có hiệu lực đến khi cháu K đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động).

[2.3] Về tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân: Anh Đ và chị O thống nhất xác nhận không có tài sản chung. Do đó Tòa án không xem xét.

[2.4] Về nợ chung trong thời kỳ hôn nhân: Anh Đ và chị O thống nhất xác nhận không có nợ chung. Do đó Tòa án không xem xét.

[2.5] Về án phí: Anh Nguyễn Minh Đ phải chịu án phí xin ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 81, 82, 83,110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Minh Đ và chị Nguyễn Thị Kim O.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đ Minh K, sinh ngày 09/5/2016 cho chị Nguyễn Thị Kim O trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi

và có khả năng lao động) hoặc đến khi có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền. Ghi nhận thỏa thuận của chị O và anh Đ về việc cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ: Anh Nguyễn Minh Đ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000VND/01 tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ thời điểm bản án có hiệu lực đến khi cháu K đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động) hoặc đến khi có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền.

Sau khi ly hôn, anh Đ được quyền thăm nom con theo quy định, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung vợ chồng: Anh Đ và chị O xác nhận không có tài sản chung nên Tòa án không xem xét.

4. Về tài sản chung vợ chồng: Không có.

5. Về án phí: Anh Nguyễn Minh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000VND (*Ba trăm nghìn đồng*) và án phí cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ là 300.000VND (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000VND (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000271 ngày 15 tháng 12 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, phải nộp tiếp 300.000VND (Ba trăm nghìn đồng).

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- Các đương sự.
- UBND thị trấn H, huyện Mai Sơn;
- Lưu hồ sơ, án văn.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tráng A Tếnh